TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/DS-ST
Ngày: 05-4-2019
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Minh Hường.

2. Ông Lê Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2018/TLST-DS, ngày 10 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2019/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Quỹ tín dụng nhân dân V; địa chỉ trụ sở: Khóm N, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Người đại diện theo pháp luật: Bà N - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông M - Chức vụ: Phó Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân V (văn bản ủy quyền ngày 05/9/2018); vắng mặt.

- *Bị đơn*:

1. Bà Hồ Thị Ngọc H; vắng mặt.

2. Ông Trần Anh K; vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: đường H, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2018 và quá trình giải quyết vụ án, Quỹ tín dụng nhân dân V trình bày:

- Ngày 16/8/2016, Quỹ tín dụng nhân dân V (gọi tắt: Quỹ tín dụng) và bà Hồ Thị Ngọc H ký kết hợp đồng tín dụng ngắn hạn (góp ngày) số 1-0004743.

Số tiền vay: 20.000.000 đồng.

Thời hạn cho vay: 180 ngày.

Lãi suất: Lãi suất trong hạn 3%/tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất tiền vay trong hạn.

Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh.

Phương thức trả: Góp ngày.

Ngày bắt đầu góp: Sau ngày nhận nợ 01 ngày, số tiền gốc 111.200 đồng, số tiền lãi 20.000 đồng, tổng số tiền 131.200 đồng.

Tài sản thế chấp: Không.

Thực hiện hợp đồng, bà H thanh toán được 11.421.600 đồng (trong đó: tiền gốc 9.861.600 đồng, tiền lãi 1.560.000 đồng).

Quỹ tín dụng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hồ Thị Ngọc H trả cho Quỹ tín dụng số tiền 23.787.992 đồng. Trong đó:

+ Tiền vốn gốc còn nợ: 10.138.400 đồng.

+ Tiền lãi trong hạn: [20.000.000 đồng x 3%/tháng x 43 ngày (từ ngày 02/11/2016 đến 14/12/2016)] : 30 = 860.000 đồng.

+ Tiền lãi quá hạn: [10.138.400 đồng x 3%/tháng x 150% x 841 ngày (từ ngày 15/12/2016 đến ngày 05/4/2019)] : 30 = 12.789.592 đồng.

- Ngày 17/10/2016, Quỹ tín dụng và ông Trần Anh K ký kết hợp đồng tín dụng ngắn hạn (góp ngày) số 1-0000238.

Số tiền vay: 40.000.000 đồng.

Thời hạn cho vay: 180 ngày.

Lãi suất: Lãi suất trong hạn: 3%/tháng, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất tiền vay trong hạn.

Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh.

Phương thức trả: Góp ngày.

Ngày bắt đầu góp: Sau ngày nhận nợ 01 ngày, số tiền gốc 222.300 đồng, số tiền lãi 40.000 đồng, tổng số tiền 262.300 đồng.

Tài sản thế chấp: Không.

Thực hiện hợp đồng, ông K thanh toán được 39.872.400 đồng (trong đó: tiền gốc 33.912.400 đồng, tiền lãi 5.960.000 đồng).

Quỹ tín dụng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Anh K trả cho Quỹ tín dụng số tiền 13.130.500 đồng. Trong đó:

+ Tiền vốn gốc còn nợ: 6.087.600 đồng.

+ Tiền lãi trong hạn: [40.000.000 đồng x 3%/tháng x 06 ngày (từ ngày 15/3/2017 đến 20/3/2017)] : 30 = 240.000 đồng.

+ Tiền lãi quá hạn: [6.087.600 đồng x 3%/tháng x 150% x 745 ngày (từ ngày 21/3/2017 đến ngày 05/4/2019)] : 30 = 6.802.893 đồng.

Bị đơn Hồ Thị Ngọc H và Trần Anh K được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, Tòa án không nhận văn bản trình bày ý kiến của bà H và ông K gửi Tòa án. Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được do bà H và ông K được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử.

Bị đơn Hồ Thị Ngọc H và Trần Anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng đối với bị đơn Hồ Thị Ngọc H.

Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số 1-0004743 ngày 16/8/2016 được ký kết giữa Quỹ tín dụng và bà H là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật. Quỹ tín dụng có quyền thực hiện hoạt động cho vay được quy định tại Điều 118 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp Tòa án đã chứng minh bà H ký nhận số tiền vay 20.000.000 đồng vào ngày 16/8/2017. Trong quá trình vay bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng theo đúng thỏa thuận. Do đó, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên được chấp nhận. Vì vậy, buộc bà H có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng số tiền vốn vay còn nợ 10.138.400 đồng.

Về tiền lãi: Hợp đồng cấp tín dụng ngày 16/8/2016 được bà H và Quỹ tín dụng thỏa thuận lãi suất trong hạn 3%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (tương đương 4,5%/tháng). Xét thỏa thuận này của các đương sự phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng, buộc

bà H có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm gồm nợ lãi trong hạn 860.000 đồng, nợ lãi quá hạn 12.789.592 đồng.

Như vậy, bà H có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng số tiền vốn vay và lãi 23.787.992 đồng.

Bị đơn Hồ Thị Ngọc H không tham gia phiên tòa, không có văn bản nêu ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đưa ra. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết mà nguyên đơn đưa ra là sự thật.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng đối với bị đơn Trần Anh K.

Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số 1-0000238 ngày 17/10/2016 được ký kết giữa Quỹ tín dụng và ông K là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật. Quỹ tín dụng có quyền thực hiện hoạt động cho vay được quy định tại Điều 118 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp Tòa án đã chứng minh ông K ký nhận số tiền vay 40.000.000 đồng vào ngày 17/10/2016. Trong quá trình vay ông K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng theo đúng thỏa thuận. Do đó, ông K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên được chấp nhận. Vì vậy, buộc ông K có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng số tiền vốn vay còn nợ 6.087.600 đồng.

Về tiền lãi: Hợp đồng cấp tín dụng ngày 17/10/2016 được ông K và Quỹ tín dụng thỏa thuận lãi suất trong hạn 3%/tháng, lãi suất quá hạn tính bằng 150% lãi suất trong hạn (tương đương 4,5%/tháng). Xét thỏa thuận này của các đương sự phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng, buộc ông K trả Quỹ tín dụng nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm gồm nợ lãi trong hạn 240.000 đồng, nợ lãi quá hạn 6.802.893 đồng.

Như vậy, ông K có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng số tiền vốn vay và lãi 13.130.500 đồng.

Bị đơn Trần Anh K không tham gia phiên tòa, không có văn bản nêu ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đưa ra. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết mà nguyên đơn đưa ra là sự thật.

[3] Án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn Hồ Thị Ngọc H phải chịu án phí trên số tiền mà bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn, được tính như sau: 23.788.000 đồng x 5% = 1.189.400 đồng.

Bị đơn Trần Anh K phải chịu án phí trên số tiền mà bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn, được tính như sau: 13.130.500 đồng x 5% = 656.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 147, Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95, Điều 118 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân V.

Buộc bà Hồ Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân V số tiền vốn vay còn nợ 10.138.400 đồng, lãi trong hạn 860.000 đồng, lãi quá hạn 12.789.592 đồng, tổng cộng vốn và lãi 23.788.000đ (hai mươi ba triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Buộc ông Trần Anh K có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân V số tiền vốn vay còn nợ 6.087.600 đồng, lãi trong hạn 240.000 đồng, lãi quá hạn 6.802.893 đồng, tổng cộng vốn và lãi 13.130.500đ (mười ba triệu một trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng).

2. Về án phí:

Buộc bà Hồ Thị Ngọc H phải chịu 1.189.400đ (một triệu một trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Trần Anh K phải chịu 656.500đ (sáu trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quỹ tín dụng nhân dân V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân V 1.594.000đ (một triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004139 ngày 27/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất

mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho tổ chức tín dụng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của tổ chức tín dụng cho vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi nguyên đơn có trụ sở, bị đơn cư trú.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS TP V;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Quan